



Số phiếu /No: VICB12408963 /YNK VICB1.9101
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-56969

Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu xanh hương vị trái cây Rong Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu/ES:

//

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu để trong túi ghép mí

7. Lượng mẫu/ Quantity:

700g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

14/05/2024

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

14/05/2024 - 21/05/2024

10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,2
2	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ⁽³⁾	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) ^(**)	LOD = 3
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) ^(**)	LOD = 3
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,011
6	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,16
7	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
8	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
9	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) ^(**)	
10	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	9,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
11	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
12	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	9,5 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013) ^(**)	
13	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,1
14	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 21 tháng/month 05 năm/year 2024

TƯỞNG TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Head of Lab



Bùi Ngọc Tuyên

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh.



Số phiếu /No: VICB12408966 /YNK VICB1.9101
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-56970

Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Khách hàng/Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG
2. Địa chỉ/Address: Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
3. Tên mẫu/Sample: Bánh đậu xanh hương vị dừa Rong Vàng Hoàng Gia
4. Mã mẫu/ES: //
5. Người lấy mẫu/Sample collector: Khách hàng tự mang mẫu đến
6. Tình trạng mẫu/ Sample condition: Mẫu để trong túi ghép mí
7. Lượng mẫu/ Quantity: 700g
8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date: 14/05/2024
9. Ngày thử nghiệm/ Testing date: 14/05/2024 - 21/05/2024
10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ⁽³⁾	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) (**)	LOD = 3
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) (**)	LOD = 3
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,011
6	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,16
7	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005(**)	
8	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)(**)	
9	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(**)	
10	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	4,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (**)	
11	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005(**)	
12	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	6,0 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013)(**)	
13	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,1
14	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 21 tháng/month 05 năm/year 2024

**Lưu ý:**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. **: Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, **: Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ ** method performed by subcontractors; ** Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.



Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

Số phiếu /No: VICB12408969 /YNK VICB1.9101
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-56971

1. Khách hàng/Customer: CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG
2. Địa chỉ/Address: Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.
3. Tên mẫu/Sample: Bánh đậu xanh hương vị cốt Rong Vàng Hoàng Gia
4. Mã mẫu/ES: //
5. Người lấy mẫu/Sample collector: Khách hàng tự mang mẫu đến
6. Tình trạng mẫu/ Sample condition: Mẫu để trong túi ghép mí
7. Lượng mẫu/ Quantity: 700g
8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date: 14/05/2024
9. Ngày thử nghiệm/ Testing date: 14/05/2024 - 21/05/2024
10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ⁽³⁾	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) ^(**)	LOD = 3
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) ^(**)	LOD = 3
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,011
6	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,16
7	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
8	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
9	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) ^(**)	
10	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	< 10	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
11	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
12	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	6,0 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013) ^(**)	
13	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,1
14	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

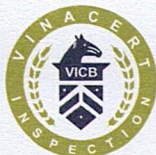
11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 21 tháng/month 05 năm/year 2024

**Lưu ý:**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. **: Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, **: Phương pháp thử được công nhận; C: Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ ** method performed by subcontractors; ** Accredited method; C assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.



www.vinacert.vn

VINACERT-CONTROL



Kết quả thử nghiệm/Test report



Số phiếu /No: VICB12408968 /YNK VICB1.9101
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-56972

Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu xanh hương vị khoai môn Rồng Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu/ES:

//

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu để trong túi ghép mí

7. Lượng mẫu/ Quantity:

700g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

14/05/2024

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

14/05/2024 - 21/05/2024

10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ⁽³⁾	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) ^(**)	LOD = 3
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) ^(**)	LOD = 3
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,011
6	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,16
7	<i>Bacillus cereus</i>	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
8	<i>E. coli</i>	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
9	<i>Coliforms</i>	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) ^(**)	
10	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	4,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
11	<i>Staphylococcus aureus</i>	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
12	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	8,0 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013) ^(**)	
13	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,1
14	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 21 tháng/month 05 năm/year 2024

**Lưu ý:**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.
3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).
4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "****": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "****" method performed by subcontractors; "****" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh.



Số phiếu /No: VICB12408967 /YNK VICB1.9101
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-56973

Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu xanh hương vị sen Rồng Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu/ES:

//

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu để trong túi ghép mí

7. Lượng mẫu/ Quantity:

700g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

14/05/2024

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

14/05/2024 - 21/05/2024

10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ⁽³⁾	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) (**)	LOD = 3
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) (**)	LOD = 3
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,011
6	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,16
7	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005(**)	
8	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)(**)	
9	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(**)	
10	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	3,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (**)	
11	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005(**)	
12	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	1,3 x 10 ²	TCVN 4884-1:2015(ISO 4833-1:2013)(**)	
13	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,1
14	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 21 tháng/month 05 năm/year 2024



Bùi Ngọc Tuyên

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.

2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.

3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).

4. **: Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, **: Phương pháp thử được công nhận; C*: Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ ** method performed by subcontractors; ** Accredited method; C* assigned method; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.



VINACERT-CONTROL



Số phiếu /No: VICB12408971 /YNK VICB1.9101
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-56974

Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bột đậu xanh dinh dưỡng Rồng Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu/ES:

//

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu để trong túi ghép mí

7. Lượng mẫu/ Quantity:

800g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

14/05/2024

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

14/05/2024 - 21/05/2024

10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ⁽³⁾	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) ^(**)	LOD = 3
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) ^(**)	LOD = 3
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,011
6	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,16
7	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
8	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
9	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) ^(**)	
10	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	6,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
11	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
12	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	6,0 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013) ^(**)	
13	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,1
14	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 21 tháng/month 05 năm/year 2024



Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.

2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.

3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).

4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh.



www.vinacert.vn

VINACERT-CONTROL



Kết quả thử nghiệm/Test report

3684.01; 3684.02
3684.03; 3684.04
3684.05; 3684.06
ISO/IEC 17025:2017Số phiếu /No: VICB12408970 /YNK VICB1.9101
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-56975

Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Chè đậu đen cốt dừa Rừng Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu/ES:

//

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu để trong túi ghép mí

7. Lượng mẫu/ Quantity:

800g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

14/05/2024

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

14/05/2024 - 21/05/2024

10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ⁽³⁾	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) (**)	LOD = 3
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) (**)	LOD = 3
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,011
6	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,16
7	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005(**)	
8	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)(**)	
9	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(**)	
10	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	9,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (**)	
11	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005(**)	
12	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	4,0 x 10 ²	TCVN 4884-1:2015(ISO 4833-1:2013)(**)	
13	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,1
14	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 21 tháng/month 05 năm/year 2024

TU. T. TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Head of Lab



Bùi Ngọc Tuyên

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.

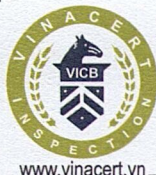
2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer request.

3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).

4. **: Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, **: Phương pháp thử được công nhận; C: Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ ** method performed by subcontractors; ** Accredited method; C assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.

Trụ sở chính
Tầng 4, tòa nhà 130 Nguyễn Đức Cảnh,
Tương Mai, Hoàng Mai, Tp. Hà Nội
ĐT : 0243.634.1933
Fax : 0243.634.1137
Email : sale@vinacert.vn
Lab Hà Nội
A2LA Cert 3684 01; 3684 02CN Hải Phòng
Số 22 - Đường Xá, Phường Đồng Hải 1,
Quận Hải An, TP. Hải Phòng
ĐT : 0225.376.9387
Fax : 0225.376.9388
Email : hp_office@vinacert.vnCN Đà Nẵng
Địa chỉ: P702, Tòa nhà Daisy House, số 219-221
Hán Thuyền, Quận Hải Châu, TP. Đà Nẵng
ĐT : 0236.627.7011
Email : dn_office@vinacert.vnCN Hồ Chí Minh
Số 26 Lê Văn Miến, phường Thảo Điền,
TP. Thủ Đức, TP. Hồ Chí Minh
ĐT : 0283.514.7353
Fax : 0283.514.7351
Email : sg_office@vinacert.vn
Lab Hồ Chí Minh
A2LA 3684 05; 3684 06CN Cần Thơ
F2-62 đường số 6 (Nguyễn Thị Sáu), Khu dân cư 588,
phường Phú Thứ, quận Cái Răng, TP. Cần Thơ
ĐT : 0292.391.7579
Fax : 0292.398.1749
Email : hutro@vinacert.vn
Trung tâm VAIQ
A2LA 3684 03; 3684 04

Rev01, 1/2024



VINACERT-CONTROL

www.vinacert.vn



Kết quả thử nghiệm/Test report


 3684.01; 3684.02
 3684.03; 3684.04
 3684.05; 3684.06
 ISO/IEC 17025:2017

 Số phiếu /No: VICB12408964 /YNK VICB1.9101
 Nơi thực hiện/Lab: TN1
 Số TTGM: 1-56976

Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu sấu riêng RỒNG VÀNG Hoàng Gia

4. Mã mẫu/ES:

//

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu để trong túi ghép mí

7. Lượng mẫu/ Quantity:

700g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

14/05/2024

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

14/05/2024 - 21/05/2024

10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ⁽³⁾	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) ^(**)	LOD = 3
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) ^(**)	LOD = 3
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,011
6	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,16
7	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005 ^(**)	
8	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001) ^(**)	
9	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006) ^(**)	
10	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	5,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) ^(**)	
11	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005 ^(**)	
12	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	2,1 x 10 ³	TCVN 4884-1:2015 (ISO 4833-1:2013) ^(**)	
13	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,1
14	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005 ^(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 21 tháng/month 05 năm/year 2024



Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.

2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.

3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).

4. **: Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, **: Phương pháp thử được công nhận; C: Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ ** method performed by subcontractors; ** Accredited method; C assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.



Số phiếu /No: VICB12408965 /YNK VICB1.9101
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-56977

Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM
TEST REPORT

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu trạ xanh Rồng Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu/ES:

//

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu để trong túi ghép mí

7. Lượng mẫu/ Quantity:

700g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

14/05/2024

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

14/05/2024 - 21/05/2024

10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ⁽³⁾	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) (**)	LOD = 3
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) (**)	LOD = 3
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,011
6	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,16
7	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005(**)	
8	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)(**)	
9	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(**)	
10	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	1,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (**)	
11	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005(**)	
12	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	3,0 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015(ISO 4833-1:2013)(**)	
13	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,1
14	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 21 tháng/month 05 năm/year 2024

TƯ. TỔNG GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG PHÒNG THỬ NGHIỆM

Head of Lab



Bùi Ngọc Tuyên

Lưu ý:

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.

2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.

3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).

4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1). VinaCert Hà Nội; (2). Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1). VinaCert Ha Noi; (2). Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.



VINACERT-CONTROL



Số phiếu /No: VICB12408962 /YNK VICB1.9101
Nơi thực hiện/Lab: TN1
Số TTGM: 1-56978

Phiên bản/Rev: 00

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM TEST REPORT

1. Khách hàng/Customer:

CÔNG TY CỔ PHẦN HOÀNG GIANG

2. Địa chỉ/Address:

Cụm Công nghiệp Cẩm Thượng, khu 4, Phường Cẩm Thượng, Thành phố Hải Dương,
Tỉnh Hải Dương, Việt Nam.

3. Tên mẫu/Sample:

Bánh đậu xanh Rồng Vàng Hoàng Gia

4. Mã mẫu/ES:

//

5. Người lấy mẫu/Sample collector:

Khách hàng tự mang mẫu đến

6. Tình trạng mẫu/ Sample condition:

Mẫu để trong túi ghép mí

7. Lượng mẫu/ Quantity:

700g

8. Ngày nhận mẫu /Sample receiving date:

14/05/2024

9. Ngày thử nghiệm/ Testing date:

14/05/2024 - 21/05/2024

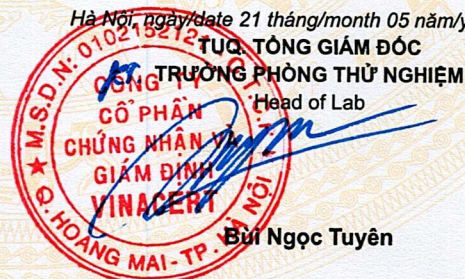
10. Kết quả/ Results:

STT No.	Chỉ tiêu Parameter	Đơn vị Unit	Kết quả Results	Phương pháp thử Testing method	Ghi chú Note
1	Deoxynivalenol	mg/Kg	KPH	V31-154-HPLC-UV-Vis ⁽³⁾	LOD = 0,2
2	Ochratoxin A	µg/Kg	KPH	V31-151-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,2
3	Aflatoxin B1	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) (**)	LOD = 3
4	Aflatoxin tổng (B1+B2+G1+G2)	µg/kg	KPH	V11-160-LC MS/MS (TK TCVN 7596:2007) (**)	LOD = 3
5	Cadimi (Cd)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,011
6	Chì (Pb)	mg/kg	KPH	V11-708-ICP-MS (TK TCVN 10912:2015)	LOD = 0,16
7	Bacillus cereus	CFU/g	< 10	TCVN 4992:2005(**)	
8	E. coli	CFU/g	< 10	TCVN 7924-2:2008 (ISO 16649-2:2001)(**)	
9	Coliforms	CFU/g	< 10	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)(**)	
10	Nấm men-Nấm mốc	CFU/g	6,0 x 10 ¹	TCVN 8275-2:2010 (ISO 21527-2:2008) (**)	
11	Staphylococcus aureus	CFU/g	< 10	TCVN 4830-1:2005(**)	
12	Tổng vi sinh vật hiếu khí (TPC)	CFU/g	9,0 x 10 ¹	TCVN 4884-1:2015(ISO 4833-1:2013)(**)	
13	Zearalenone	mg/Kg	KPH	V31-155-HPLC-FLD ⁽³⁾	LOD = 0,1
14	Clostridium perfringens	CFU/g	< 10	TCVN 4991:2005(**)	

11. Tài liệu kèm theo/ Enclosed documents (nếu có/If any):

12. Nhận xét khác/ Comments (nếu có/If any):

Hà Nội, ngày/date 21 tháng/month 05 năm/year 2024

**Lưu ý:**

1. Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu PTN nhận được và không được in sao một phần văn bản này nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của VinaCert-Lab/Test results are valid for the received sample (s) only and this test report shall not be reproduced, except in full without the written approval of VinaCert-Lab.

2. Mục 1 đến mục 5, mục 11 được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu/These items from 1 to 5, 11 are written as customer's request.

3. "KPH": Không phát hiện (dưới ngưỡng phát hiện của phương pháp)/ "KPH" not-detected (below detection limit).

4. "": Phương pháp thử sử dụng nhà thầu phụ, "": Phương pháp thử được công nhận; "C": Phương pháp được chỉ định; (1): VinaCert Hà Nội; (2): Trung tâm thử nghiệm VAIQ; (3) VinaCert Hồ Chí Minh/ "" method performed by subcontractors; "" Accredited method; "C" assigned method; (1): VinaCert Ha Noi; (2): Test Center VAIQ; (3) VinaCert Ho Chi Minh.